

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01270/2026/PKQ/26.600

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty SIKA Hữu hạn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh
Địa chỉ : Số 3, Đường 9, VSIP Bắc Ninh, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : 29/06/2026 Ngày đo đạc, phân tích : 29/06/2026 – 16/07/2026
Thông tin về mẫu : KT26.600/01: Khí thải bụi phát sinh từ công đoạn nhập liệu vào bồn trộn số 1
Tình trạng hoạt động : Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Số hiệu phương pháp	Kết quả	QCVN 19:2024/BTNMT
				KT26.600/01	Cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	1.210	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	26	80

Ghi chú:

(-) : Không quy định;

Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp- Cột B: Các thiết bị xả khác

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2026

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
CÁN BỘ LẬP PHIẾU

QA/QC

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Cao Duy Sơn

Trần Mạnh Quân



Trịnh Quang Hoan

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu phân tích;

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01271/2026/PKQ/26.600

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	: Công ty SIKA Hữu hạn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh		
Địa chỉ	: Số 3, Đường 9, VSIP Bắc Ninh, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
Loại mẫu	: Khí thải		
Ngày lấy mẫu	: 29/06/2026	Ngày đo đạc, phân tích	: 29/06/2026 – 16/07/2026
Thông tin về mẫu	: KT26.600/02: Khí thải bụi phát sinh từ công đoạn nhập liệu vào bồn trộn số 2		
Tình trạng hoạt động	: Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu		

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Số hiệu phương pháp	Kết quả	QCVN 19:2024/BTNMT
				KT26.600/02	Cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	1.137	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	18	80

Ghi chú:

(-) : Không quy định;

Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp- Cột B: Các thiết bị xả khác

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2026

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
CÁN BỘ LẬP PHIẾU

Cao Duy Sơn

QA/QC

Trần Mạnh Quân

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Quang Hoan

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01272/2026/PKQ/26.600

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	: Công ty SIKA Hữu hạn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh
Địa chỉ	: Số 3, Đường 9, VSIP Bắc Ninh, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu	: Khí thải
Ngày lấy mẫu	: 29/06/2026 Ngày đo đạc, phân tích :29/06/2026 – 16/07/2026
Thông tin về mẫu	: KT26.600/03: Khí thải bụi phát sinh từ công đoạn nhập liệu vào bồn trộn số 3
Tình trạng hoạt động	: Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Số hiệu phương pháp	Kết quả	QCVN 19:2024/BTNMT
				KT26.600/03	Cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	1.274	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	19	80

Ghi chú:

(-) : Không quy định;

Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp- Cột B: Các thiết bị xả khác

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2026

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
CÁN BỘ LẬP PHIẾU

QA/QC

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Cao Duy Sơn

Trần Mạnh Quân

Trịnh Quang Hoan

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01273/2026/PKQ/26.600

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	: Công ty SIKA Hữu hạn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh
Địa chỉ	: Số 3, Đường 9, VSIP Bắc Ninh, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu	: Khí thải
Ngày lấy mẫu	: 29/06/2026 Ngày đo đạc, phân tích : 29/06/2026 – 16/07/2026
Thông tin về mẫu	: KT26.600/04: Khí thải bụi phát sinh từ công đoạn nhập liệu vào bồn trộn số 4
Tình trạng hoạt động	: Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Số hiệu phương pháp	Kết quả	QCVN 19:2024/BTNMT
				KT26.600/04	Cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	1.042	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	18	80

Ghi chú:

(-) : Không quy định;

Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp- Cột B: Các thiết bị xả khác

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2026

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
CÁN BỘ LẬP PHIẾU

QA/QC

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Cao Duy Sơn

Trần Mạnh Quân

Trịnh Quang Hoan

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01274/2026/PKQ/26.600

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty SIKA Hữu hạn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh
Địa chỉ : Số 3, Đường 9, VSIP Bắc Ninh, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : 29/06/2026 Ngày đo đạc, phân tích : 29/06/2026 – 16/07/2026
Thông tin về mẫu : KT26.600/05: Khí thải bụi phát sinh từ công đoạn ra bao sản phẩm bột (Power)
Tình trạng hoạt động : Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Số hiệu phương pháp	Kết quả	QCVN 19:2024/BTNMT
				KT26.600/05	Cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	3.812	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	27	80

Ghi chú:

(-) : Không quy định;

Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp- Cột B: Các thiết bị xả khác

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2026

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
CÁN BỘ LẬP PHIẾU

QA/QC

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Cao Duy Sơn

Trần Mạnh Quân



Trịnh Quang Hoan

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01498/2026/PKQ/26.705

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	:	Công ty SIKA Hữu hạn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh		
Địa chỉ	:	Số 3, Đường 9, VSIP Bắc Ninh, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
Địa điểm lấy mẫu	:	Mẫu do khách hàng gửi đến		
Loại mẫu	:	Nước thải		
Ngày nhận mẫu	:	23/07/2026	Ngày đo đạc, phân tích	:23/07/2026 – 10/08/2026
Thông tin về mẫu	:	NT26.705/01: Nước thải sau xử lý tại điểm đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN		

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Số hiệu phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn VSIP
				NT26.705/01	
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,17	6 - 9
2	Nhiệt độ ^(*)	°C	SMEWW 2550B:2023	28,9	40
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	15	400
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001- 1:2021	5	400
5	COD	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	8	600
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,03	16
7	Tổng nitơ	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 & SMEWW 4500-NO ₃ -E:2023	2,35	20
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,015	5
9	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3111C:2023	<0,0075	0,1
10	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3111C:2023	<0,0021	0,05
11	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,0015	0,05
12	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0009	0,005



1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)

2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu phân tích;

3. Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;

4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;

TT	Thông số	Đơn vị	Số hiệu phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn VSIP
				NT26.705/01	
13	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	<1	5
14	Tổng coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	750	5.000

Ghi chú:

“<”: Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp

(*) : Thông số do khách hàng yêu cầu – Kết quả mang tính chất tham khảo

Quy chuẩn so sánh:

- Tiêu chuẩn VSIP: Tiêu chuẩn nước thải cho phép thải vào hệ thống chung của VSIP Bắc Ninh

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2026

**PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
CÁN BỘ LẬP PHIẾU**

QA/QC



Cao Duy Sơn



Trần Mạnh Quân

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trịnh Quang Hoan



- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu phân tích;

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;